

Số: 10 /2021/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Về giảm mức thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng trong khu vực cửa khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào các cửa khẩu của tỉnh Quảng Bình do ảnh hưởng của dịch Covid-19**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH  
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 2352/TTr-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết về giảm mức thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng trong khu vực cửa khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào các cửa khẩu của tỉnh Quảng Bình do ảnh hưởng của dịch Covid-19; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Giảm mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực cửa khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hoá ra vào các cửa khẩu của tỉnh Quảng Bình được quy định tại Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu các loại phí, lệ phí, học phí, tỷ lệ phần trăm trích lại cho đơn vị thu phí và bãi bỏ Quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

**1. Mức giảm:**

- Giảm 30% mức thu phí đối với phương tiện vận tải chở hàng hoá xuất nhập khẩu quy định tại Mục I, Phụ lục số 02.

- Giảm 20% mức thu phí phương tiện vận tải chờ hàng hoá tạm nhập - tái xuất; tạm xuất - tái nhập, hàng hoá quá cảnh, hàng hoá chuyển cảng, hàng hoá chuyển khẩu, hàng hoá gửi kho ngoại quan quy định tại Mục II, Phụ lục số 02.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Thời gian áp dụng: Kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 11 năm 2021.

Sau khi hết thời gian áp dụng mức giảm thu phí quy định tại Điều 1, tiếp tục áp dụng mức thu phí theo quy định tại Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2016 của HĐND tỉnh quy định mức thu các loại phí, lệ phí, học phí, tỷ lệ phần trăm trích lại cho đơn vị thu phí và bãi bỏ Quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. /

#### **Nơi nhận:**

- UB Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KT văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các ban và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Hải Châu**

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình)



STT	Danh mục	ĐVT	Mức thu
<b>I</b>	<b>Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất, nhập khẩu</b>		
1	Phương tiện có tải trọng dưới 5 tấn	đồng/xe/lượt	35.000
2	Phương tiện có tải trọng từ 5 tấn đến dưới 10 tấn	đồng/xe/lượt	105.000
3	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20Feet	đồng/xe/lượt	210.000
4	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40Feet	đồng/xe/lượt	315.000
<b>II</b>	<b>Phương tiện vận tải chở hàng hóa tạm nhập-tái xuất, tạm xuất-tái nhập, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa gửi kho ngoại quan</b>		
1	<b>Phương tiện vận tải chở hàng hóa là quặng các loại</b>		
1.1	Phương tiện có tải trọng dưới 5 tấn	đồng/xe/lượt	160.000
1.2	Phương tiện có tải trọng từ 5 tấn đến dưới 10 tấn	đồng/xe/lượt	240.000
1.3	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20Feet	đồng/xe/lượt	600.000
1.4	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40Feet	đồng/xe/lượt	1.040.000
2	<b>Phương tiện vận tải chở hàng hóa khác</b>		
2.1	Phương tiện có tải trọng dưới 5 tấn	đồng/xe/lượt	160.000
2.2	Phương tiện có tải trọng từ 5 tấn đến dưới 10 tấn	đồng/xe/lượt	240.000
2.3	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20Feet	đồng/xe/lượt	520.000
2.4	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40Feet	đồng/xe/lượt	880.000

